

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AF
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **649/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 09/8/2022
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AF TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**.

2. Bà **Huỳnh Thị Ngọc Thuận**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AF, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lương Thị Trà My** - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Cô **Đàm Thị Ngọc Ánh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện AF, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện AF, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 430/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 97/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Huỳnh Thảo A**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp AA, xã AB, huyện AC, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: **Huỳnh Hải B**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp AD, xã AE, huyện AF, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị A, vắng mặt anh B)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 17/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Huỳnh Thảo A** trình bày:

Chị và anh Huỳnh Hải B quen biết và tìm hiểu nhau, sau đó cả hai tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã AE, huyện AF, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 30/09/2019.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng chính kiến, nguyên nhân do anh B không có trách nhiệm với con cái, không quan tâm chăm sóc gia đình nên hai vợ chồng thường xuyên cãi vã.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị A yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Hải C sinh ngày 20/5/2020, khi ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Huỳnh Hải B vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù anh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ.*

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị A vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với anh B, về nợ chung, tài sản chung; đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung chị A nay chỉ yêu cầu 2.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Anh B vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Huỳnh Hải B nhiều lần vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh B.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp “Ly hôn”.

Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị A. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về hôn nhân:

Chị Huỳnh Thảo A và anh Huỳnh Hải B xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã AE, huyện AF, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 30/09/2019.

Tại phiên tòa, chị A trình bày nguyên nhân xin ly hôn với anh B là do anh B là người chồng, người cha thiếu trách nhiệm với vợ, con. Trong quá trình chung sống, mọi việc liên quan đến cuộc sống gia đình, con chung do một mình chị gánh vác. Anh thường tụ tập đi chơi cùng nhóm bạn bỏ bê vợ, con. Chị nhiều lần khuyên anh nên nghĩ đến gia đình nhiều hơn, lo cho gia đình nhiều hơn, nhưng anh không sửa đổi. Do đó mà chị đã gửi đơn ly hôn anh B một lần vào tháng 12/2021, sau đó chị đã rút đơn để tạo điều kiện cho cả hai vợ chồng hàn gắn, tuy nhiên anh B vẫn không sửa đổi, vẫn vô tâm, không biết lo cho gia đình, vợ con. Vì vậy mà đến tháng 01/2022, chị quyết định cùng con sống bên quê ngoại ở Vĩnh Long cho đến ngày hôm nay, hai vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị không còn thương anh B và kiên quyết muốn được ly hôn với anh.

Về phía anh B, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa, nhưng anh nhiều lần vắng mặt và cũng không gửi văn bản phản hồi đối với các yêu cầu khởi kiện của chị A. Điều đó cho thấy, anh B không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị A.

Qua xác C tại địa phương, được biết hai anh chị có mâu thuẫn khoảng 01 năm nay (bút lục 19).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin được ly hôn anh B của chị A là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Hải C sinh ngày 20/5/2020. Xét từ khi hai người ly thân đến nay, con chung do chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, con chung dưới 36 tháng tuổi, chị A hiện tại có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, quyết định giao con chung cho chị A tiếp tục

chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Sau khi ly hôn, anh B được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ vào biên bản xác C ngày 04/7/2022 (bút lục 19), thể hiện anh B có nghề nghiệp, có thu nhập, đối với mức cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng mà chị A yêu cầu anh B phải thực hiện, xét thấy phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận với yêu cầu cấp dưỡng của chị A, buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/tháng, thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị A phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh B phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 và a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thảo A.

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thảo A được ly hôn với anh Huỳnh Hải B.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Huỳnh Hải C**, sinh ngày 20/5/2020. Khi ly hôn, giao con chung cho chị A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, anh B được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định, mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 2.000.000đồng; bắt đầu thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày chị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B chậm thi hành khoản tiền trên thì anh phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020493 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AF, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh B phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3/ Quyền kháng cáo: Chị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. AF;
- Chi cục THADS H. AF;
- UBND xã AE, H. AF;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HUỲNH THỊ TRÚC MAI

